



yīng luò

璎珞

noun · necklace (esp. in Buddhist context)

Example Sentence

Fó xiàng shàng dài zhe měi lì de yīng luò
佛像上戴着美丽的璎珞。

The Buddha statue is wearing a beautiful necklace.

Trace each character, then write the word on your own.

璎	璎	璎	璎	璎	璎	璎	璎	璎	璎	璎
珞	珞	珞	珞	珞	珞	珞				

珞	珞	珞	珞	珞	珞	珞	珞	珞	珞	珞
珞	珞									
